

CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG LAMY VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TRUYỀN THÔNG LAMY VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LAMY VIET NAM COMMUNICATION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108491508

3. Ngày thành lập: 30/10/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 26BT1, X2 Bắc Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
2.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
3.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn kính xây dựng; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn đồ ngũ kim	4663
4.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...; - Bán buôn phân bón và sản phẩm nông hóa; - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh	4669
5.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại nhà nước cấm)	4690
6.	Quảng cáo	7310

7.	Cho thuê xe có động cơ	7710
8.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
9.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
10.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
11.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4543
12.	Bán buôn đồ uống	4633
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Điều 28 Luật thương mại năm 2005).	8299
15.	Giáo dục nhà trẻ	8511
16.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
17.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
18.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
21.	Xây dựng nhà ở	4101
22.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
24.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
25.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
27.	Bán mô tô, xe máy (Trừ hoạt động đầu giá)	4541
28.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
29.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
31.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
32.	Điều hành tua du lịch Chi tiết : - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Theo Khoản 1 Điều 31 Luật Du lịch năm 2017) ; - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Theo Khoản 2 Điều 31 Luật Du lịch năm 2017)	7912
33.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
34.	Sao chép bản ghi các loại	1820

35.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; - Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền); - Hoạt động phiên dịch; - Tư vấn chuyển giao công nghệ (Khoản 2 Điều 45 Luật chuyển giao công nghệ 2017)	7490
36.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: - Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển - Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730
37.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
38.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
39.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
40.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530
41.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
42.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
43.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
44.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
45.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
46.	Sản xuất thiết bị điện khác Chi tiết: - Sản xuất sạc ắc quy ở trạng thái rắn; - Sản xuất thiết bị đóng mở cửa bằng điện; - Sản xuất chuông điện; - Sản xuất dây phụ trợ được làm từ dây cách điện	2790
47.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
48.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
49.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

50.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
51.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
52.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
53.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
54.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
55.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
56.	Sản xuất rượu vang	1102
57.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
58.	Sản xuất giày, dép	1520
59.	In ấn	1811
60.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
61.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
62.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
63.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
64.	Xây dựng nhà không để ở	4102
65.	Xây dựng công trình thủy	4291
66.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, trạm biến áp dưới 35KV; Xây dựng công trình viễn thông; Thi công nội ngoại thất công trình xây dựng, công viên cây xanh, tượng đài.	4390
67.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4511
68.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
69.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
70.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
71.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hoá	4610

72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ, đồ thờ cúng và hàng hóa phục vụ mục đích tín ngưỡng khác; - Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại;	4773
73.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức	8230
74.	Giáo dục mẫu giáo	8512
75.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại;	8559
76.	Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm Chi tiết: Hoạt động đại lý bảo hiểm (Theo Điều 86 Luật kinh doanh bảo hiểm 2000)	6622
77.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn và giúp đỡ kinh doanh hoặc dịch vụ lập kế hoạch, tổ chức, hoạt động hiệu quả, thông tin quản lý...	7020
78.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất	7410
79.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
80.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
81.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
82.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ, thiết bị y tế và chỉnh hình.	4772
83.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
84.	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông có dây	6110
85.	Hoạt động viễn thông không dây Chi tiết: Hoạt động cung cấp dịch vụ truy cập internet bằng mạng viễn thông không dây	6120
86.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
87.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
88.	Bán buôn thực phẩm	4632
89.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
90.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

91.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
92.	Đào tạo cao đẳng	8533
93.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: - Tư vấn giáo dục; - Dịch vụ tư vấn du học.(Theo Điều 107 Nghị định 46/2017/NĐ-CP)	8560
94.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Theo Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ quản lý bất động sản(Theo Điều 75 Luật kinh doanh bất động sản 2014) - Dịch vụ môi giới bất động sản (Theo Điều 62 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6820
95.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
96.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
97.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
98.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
99.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế	4659
100.	Đào tạo sơ cấp	8531
101.	Đào tạo trung cấp	8532

102.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Việc sản xuất các phim điện ảnh, phim video, các chương trình truyền hình hoặc chương trình quảng cáo trên truyền hình.	5911(Chính)
------	---	-------------

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	HOÀNG THẾ VINH	Số 19H17, Tập thể Đại học Sư phạm, Tổ 21, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.500.000.000	90,000	012942416	
2	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Số 19H17, Tập thể Đại học Sư phạm, Tổ 21, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	500.000.000	10,000	013439124	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HOÀNG THẾ VINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/06/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 012942416

Ngày cấp: 23/03/2007

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 19H17, Tập thể Đại học Sư phạm, Tổ 21, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 19H17, Tập thể Đại học Sư phạm, Tổ 21, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội